

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 275/2023/HNGĐ-ST;

Ngày: 14-7-2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghiệm.

Bà Trần Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị K và anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa án nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 2000, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc

đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh T ghen tuông vô cớ thường xuyên, anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị, chị đã khuyên can anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Thị D, sinh ngày 18/12/2000 và Nguyễn Thị Ánh T1, sinh ngày 01/7/2004, Nguyễn Văn Quốc A, sinh ngày 02/11/2008. Cháu D và cháu T1 đã trưởng thành, cháu A sống với chị K. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu A và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hòa giải và các lời trình bày tại tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị K về thời gian và địa điểm kết hôn, tuy nhiên trong quá trình chung sống do anh thương vợ quá nên có ghen tuông nhưng anh đã biết lỗi xin vợ tha lỗi trong thời gian 02 tháng nay, vợ chồng không ly thân, chỉ do vợ đi làm 2 – 3 ngày mới về nhà. Nay anh còn thương vợ muốn vợ chồng đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Thị D, sinh ngày 18/12/2000 và Nguyễn Thị Ánh T1, sinh ngày 01/7/2004, Nguyễn Văn Quốc A, sinh ngày 02/11/2008. Cháu D và cháu T1 đã trưởng thành, cháu A sống với chị K. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị K nuôi dưỡng cháu A, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K về yêu cầu ly hôn, về yêu cầu nuôi con.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tình cảm: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn T cưới nhau năm 2000, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị K xin ly hôn với anh T với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh T ghen tuông vô cớ thường xuyên, anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị, chị đã khuyên can anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, chị K và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Tại phiên tòa, chị K vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T; phía anh T không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị K nhưng anh T thừa nhận anh có ghen tuông vô cớ nên hay chửi bới chị, anh đã có sửa đổi tính ghen tuông nhưng chị K không tha thứ cho anh; ngoài ra trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện cũng như tại phiên tòa anh T không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Trần Thị K là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Văn Quốc A, sinh ngày 02/11/2008 của chị K, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu A đang sống với chị K đã ổn định về chỗ ở, về tâm lý, về điều kiện sinh hoạt và học tập đồng thời cháu A có nguyện vọng muốn được sống với chị K. Tại phiên tòa anh T đồng ý để chị K nuôi dưỡng cháu A. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị K và anh T khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị K và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K.

Về tình cảm: Chị Trần Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Quốc A, sinh ngày 02/11/2008 cho chị Trần Thị K nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027117 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị K đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân